

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI
CAO-BỘ QUỐC PHÒNG-
BỘ NỘI VỤ
Số: 01/2011/TTLT-
TANDTC-BQP-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2011

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Về việc hướng dẫn thi hành một số Quy định của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân;
Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân;

Căn cứ Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 104/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân như sau:

Chương I

TIÊU CHUẨN THẨM PHÁN

Điều 1. Tiêu chuẩn chung của Thẩm phán

Tiêu chuẩn chung của Thẩm phán theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân, bao gồm:

1. Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa phải là:

a) Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không có bất kỳ hành vi nào gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của cơ quan, tổ chức.

c) Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền.

d) Kiên quyết đấu tranh với những người, những hành vi gây phương hại đến Đảng, đến Tổ quốc và nhân dân, bảo vệ công lý; có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình.

đ) Không thuộc trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I của Quy định số 57-QĐ/TW ngày 03-5-2007 của Bộ Chính trị “Một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”.

e) Không làm những việc quy định tại Điều 15 của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân.

f) Chưa bao giờ bị kết án (kể cả trường hợp đã được xóa án tích).

2. “Có trình độ cử nhân luật” là phải có bằng tốt nghiệp đại học về chuyên ngành luật do các trường đại học trong nước có chức năng đào tạo về chuyên ngành luật theo quy định của pháp luật; nếu văn bằng cử nhân luật do cơ sở đào tạo của nước ngoài cấp thì văn bằng đó phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.

3. “Đã được đào tạo về nghiệp vụ xét xử” là phải có chứng chỉ về đào tạo nghiệp vụ xét xử do cơ sở trong nước có chức năng đào tạo về nghiệp vụ xét xử theo quy định của pháp luật; nếu chứng chỉ do cơ sở đào tạo của nước ngoài cấp thì chứng chỉ đó phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.

4. “Thời gian làm công tác pháp luật” là thời gian công tác liên tục kể từ khi được xếp vào một ngạch công chức theo quy định của pháp luật, bao gồm: Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên ngành Tòa án; Kiểm tra viên, Điều tra viên, Kiểm sát viên ngành Kiểm sát; Trinh sát viên trung cấp trở lên, Cảnh sát viên trung cấp trở lên của lực lượng Cảnh sát nhân dân, Trinh sát viên trung cấp trở lên của lực lượng An ninh nhân dân và Điều tra viên trong lực lượng Công an nhân dân; cán bộ điều tra, bảo vệ an ninh trong Quân đội; Chuyên viên, Chấp hành viên, Công chứng viên, Thanh tra viên, cán bộ pháp chế, giảng viên về chuyên ngành luật; thời gian được bầu hoặc cử làm Hội thẩm, thời gian làm luật sư cũng được coi là “thời gian làm công tác pháp luật”.

5. “Có năng lực làm công tác xét xử” là phải nắm bắt và áp dụng được các quy định của pháp luật trong công tác xét xử những vụ án và giải quyết những việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án; hoàn thành công việc được giao có chất lượng, hiệu quả và bảo đảm thời gian quy định theo đánh giá, nhận xét của cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức hoặc có những bài viết, công trình nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật có giá trị được công bố hoặc được áp dụng vào thực tiễn.

6. “Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao” là có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, ngoài thể lực cần thiết, còn bao gồm yếu tố ngoại hình đó là không có dị tật, dị hình ảnh hưởng trực tiếp đến tư thế, tác phong hoặc việc thực hiện nhiệm vụ của người Thẩm phán.

7. Đối với người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật, nhưng chưa có quyết định giải quyết cuối cùng của người hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì chưa có đủ điều kiện để có thể được đề nghị tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán.

Điều 2. Tiêu chuẩn Thẩm phán trong trường hợp đặc biệt

Theo quy định tại Điều 23 của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định của Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân) thì đối với người chưa có đủ thời gian làm công tác pháp luật, chưa được đào tạo về nghiệp vụ xét xử, nhưng có đủ các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp lệnh, thì chỉ có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán trong trường hợp đặc biệt và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền điều động đến công tác tại ngành Tòa án nhân dân.

Trường hợp đặc biệt, là trường hợp nếu người đó được bổ nhiệm làm Thẩm phán thì sẽ bổ nhiệm họ giữ chức vụ Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp đó.

Chương II

HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN THẨM PHÁN

Điều 3. Cơ chế hoạt động của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán

Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán hoạt động theo Quy chế làm việc của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán do Tòa án nhân dân tối cao ban hành sau khi thống nhất với Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ và Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 4. Việc thay đổi thành viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán

1. Thay đổi ủy viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương:

Khi cần có sự thay đổi đại diện lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban chấp hành trung ương Hội luật gia Việt Nam làm ủy viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương thì cơ quan, tổ chức này phải có văn bản gửi Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kèm theo lý lịch trích ngang của người được đề cử mới; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm tờ trình (kèm theo văn bản của cơ quan, tổ chức có đại diện cần thay đổi và lý lịch trích ngang của người được đề cử mới) đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định cử ủy viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương.

2. Thay đổi thành viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân:

a) Đối với các thành viên đương nhiên:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định của Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân) thì Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân, do đó, khi có sự thay đổi hoặc phân công lại giữa Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về việc làm nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân, thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao biết về sự thay đổi hoặc phân công lại đó.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định của Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân) thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh là thành viên đương nhiên của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân, do đó, người nào được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc được giao quyền Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thì người đó đương nhiên là ủy viên của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân, mà không cần phải có quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cử làm ủy viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân.

b) Khi có sự thay đổi người đại diện lãnh đạo Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban chấp hành Hội luật gia cấp tỉnh làm ủy viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân thì cơ

quan, tổ chức này phải có văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh kèm theo lý lịch trích ngang của người được đề cử mới; Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có văn bản (kèm theo văn bản của cơ quan, tổ chức có đại diện cần thay đổi và lý lịch trích ngang của người được đề cử mới) đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định cử ủy viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân.

3. Thay đổi ủy viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án quân sự:

Khi cần có sự thay đổi đại diện lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban chấp hành trung ương Hội luật gia Việt Nam làm ủy viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án quân sự thì cơ quan, tổ chức này phải có văn bản gửi Chánh án Tòa án quân sự trung ương kèm theo lý lịch trích ngang của người được đề cử mới; Chánh án Tòa án quân sự trung ương có văn bản (kèm theo văn bản của cơ quan, tổ chức có đại diện cần thay đổi và lý lịch trích ngang của người được đề cử mới) đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định cử ủy viên Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án quân sự.

Điều 5. Kinh phí hoạt động của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương được dự toán trong kinh phí hoạt động của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân được dự toán trong kinh phí hoạt động của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Tùy theo điều kiện của từng địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động cho Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân từ ngân sách địa phương.

3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án quân sự được dự toán trong kinh phí hoạt động của Tòa án quân sự trung ương. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động cho Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án quân sự từ ngân sách của Bộ Quốc phòng.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CHUẨN BỊ NHÂN SỰ, CHUẨN BỊ HỒ SƠ VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG TUYỂN CHỌN VÀ BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, CÁCH CHỨC THẨM PHÁN

Điều 6. Trách nhiệm chuẩn bị nhân sự, chuẩn bị hồ sơ và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tuyển chọn và bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương

1. Trách nhiệm chuẩn bị nhân sự, chuẩn bị hồ sơ đối với người được đề nghị tuyển chọn và bổ nhiệm; những trường hợp đề nghị miễn nhiệm hoặc cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương, cũng như giúp việc cho Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương trong công tác tuyển chọn và đề nghị Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương do Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao đảm nhiệm.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác tuyển chọn và bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

a) Trước khi trình Chủ tịch nước: Những khiếu nại, tố cáo trong giai đoạn này do Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành xác minh, làm rõ và kết luận theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo; bổ sung đầy đủ các tài liệu này vào trong hồ sơ đề nghị tuyển chọn và bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương.

b) Sau khi đã trình Chủ tịch nước: Những khiếu nại, tố cáo trong giai đoạn này do Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương có trách nhiệm chỉ đạo xử lý, giải trình và báo cáo Chủ tịch nước. Trong trường hợp cần thiết hoặc khi Chủ tịch nước yêu cầu thì Tòa án nhân dân tối cao và Văn phòng Chủ tịch nước phối hợp xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với người được đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương.

Điều 7. Trách nhiệm chuẩn bị nhân sự, chuẩn bị hồ sơ và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tuyển chọn và bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân

1. Trách nhiệm chuẩn bị nhân sự, chuẩn bị hồ sơ đối với người được đề nghị tuyển chọn và bổ nhiệm; những trường hợp đề nghị miễn nhiệm hoặc cách chức Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh đảm nhiệm. Phòng Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh là đơn vị tham mưu giúp Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong việc chuẩn bị nhân sự và hồ sơ đối với người được đề nghị tuyển chọn và bổ nhiệm; những trường hợp đề nghị miễn nhiệm hoặc cách chức Thẩm phán, cũng như giúp việc cho Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân trong công tác tuyển chọn và đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác tuyển chọn và bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân

a) Trước khi trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Những khiếu nại, tố cáo trong giai đoạn này do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành xác minh, làm rõ và kết luận theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo; bổ sung đầy đủ các tài liệu này vào trong hồ sơ đề nghị tuyển chọn và bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân.

b) Sau khi đã trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Những khiếu nại, tố cáo trong giai đoạn này do Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân chỉ đạo xử lý, giải trình và báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Trong trường hợp cần thiết hoặc khi Chánh án Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu thì Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh phối hợp xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với người được đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân.

Điều 8. Trách nhiệm chuẩn bị nhân sự, chuẩn bị hồ sơ và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tuyển chọn và bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án quân sự

1. Trách nhiệm chuẩn bị nhân sự và hồ sơ đối với người được đề nghị tuyển chọn và bổ nhiệm; những trường hợp đề nghị miễn nhiệm hoặc cách chức Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án quân sự, cũng như giúp việc cho Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án quân sự trong công tác tuyển chọn và đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án quân sự do Phòng Tổ chức - Cán bộ Tòa án quân sự trung ương đảm nhiệm.